

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG MYANMAR

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 ext 247
Email: namn@vcci.com.vn

3.2020



MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Các thông tin cơ bản	3
3. Du lịch:.....	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	4
1. Tổng quan:	5
2. Các chỉ số kinh tế:.....	6
3. Thuận lợi và khó khăn khi kinh doanh và đầu tư tại Myanmar.	9
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM	10
1. Các Hiệp định, thoả thuận về kinh tế đã ký kết:	10
2. Hợp tác thương mại	10
3. Tập quán:	12
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	13
1. Quan hệ Ngoại giao:	13
2. Quan hệ chính trị:.....	13
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	14
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	14

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Myanmar

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Myanmar



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Liên bang Mianma (Myanmar)
Thủ đô :	Nay Pyi Taw, là thủ đô hành chính, từ tháng 1/2006, trước đó là Yangon.
Đứng đầu nhà nước:	Tổng thống WIN MYINT (2018)
Đứng đầu chính phủ:	Tổng thống WIN MYINT (2018)
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	UNESCO, WHO, UN, WTO v...v
Diện tích:	676,578 km ²
Khí hậu:	nhật đới gió mùa, mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.
Tài nguyên:	dầu, khí đốt, gỗ, kẽm, đá quý, quặng , khí đốt...
Dân số:	56.6 triệu người
Tuổi trung bình:	29 tuổi
Dân tộc:	Burman (68%), Shan(9%), Rakhine (4%), Trung Quốc (3%), Ấn Độ (2%), Mon(2%) và các dân tộc khác chiếm 5%
Tôn giáo:	Phật giáo (89%), Đạo hồi(4%), Thiên chúa (4%) và các đạo khác
Ngôn ngữ :	Miến Điện và một số tiếng dân tộc thiểu số.
Tỷ giá:	MMK/ USD – 1,361 (2017); 1,205.9 (2016); 1,162.62 (2015); 1,162.62 (2014); 947.9 (2013); 867.6 (2012); 815 (2011); 5.58 (2010)



2. Lịch sử

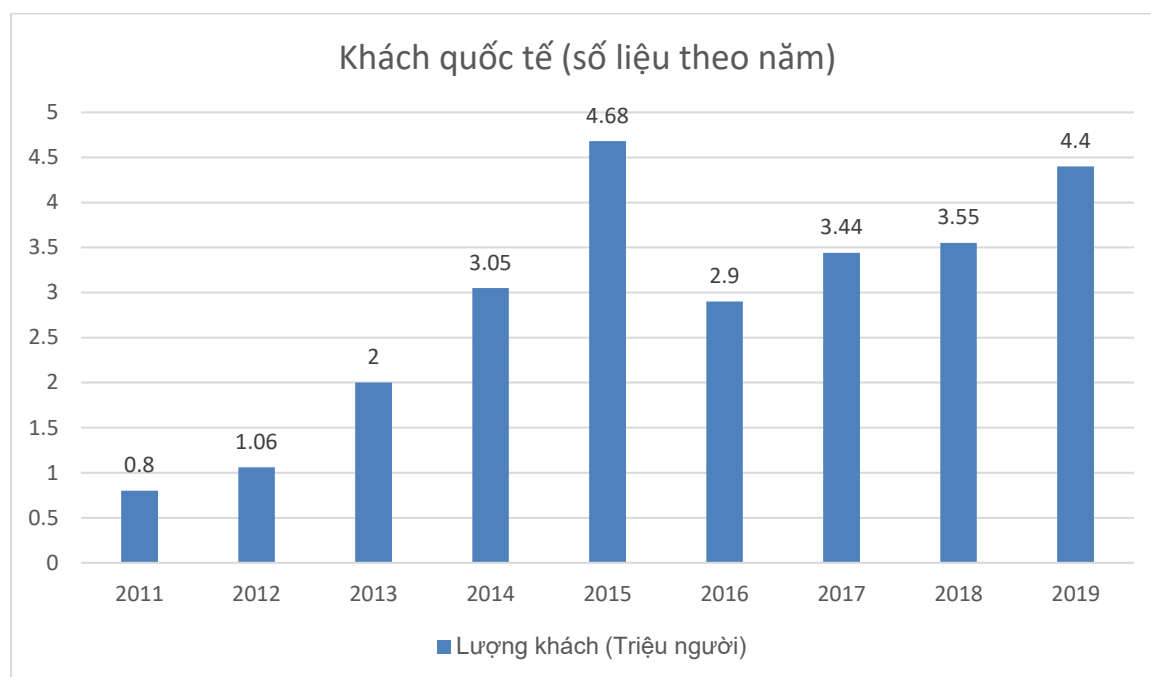
Myanmar liên tục chìm trong các khủng hoảng chính trị và xung đột sắc tộc kể từ khi giành độc lập từ Anh năm 1948, trong đó nhiều chục năm được điều hành bởi chính quyền quân sự.

Năm 1988, Cuộc nổi dậy 8888 đẩy đất nước tới bờ vực cách mạng. Để đối phó, Tướng Saw Maung tiến hành một cuộc đảo chính. Ông thành lập Hội đồng Khôi phục Trật tự và Luật pháp Liên bang (SLORC). Myanmar quay trở lại quốc hiệu Liên bang Myanmar. Năm sau, quốc hiệu bằng tiếng Anh đổi từ Union of Burma thành Union of Myanmar. Năm 1989, thiết quân luật được ban bố sau những cuộc biểu tình rộng lớn. Các kế hoạch bầu cử Quốc hội đã hoàn thành ngày 31 tháng 5 năm 1989. Năm 1990, lần đầu tiên các cuộc bầu cử tự do được tổ chức trong vòng 30 năm. Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ, đảng của bà Aung San Suu Kyi, thắng 392 trong tổng số 485 ghế, nhưng các kết quả của cuộc bầu cử đã bị SLORC huỷ bỏ và họ từ chối giao lại quyền lực. SLORC đổi tên Miến Điện (Burma) thành Myanmar năm 1989. Dưới sự lãnh đạo của Than Shwe, từ năm 1992 chính quyền quân sự đã tiến hành các thoả thuận ngừng bắn với các nhóm du kích thiểu số. Năm 1992, SLORC tiết lộ các kế hoạch thành lập một hiến pháp mới thông qua Hội nghị Quốc gia, bắt đầu ngày 9 tháng 1 năm 1993. Năm 1997, Hội đồng Khôi phục Trật tự và Luật pháp Liên bang được đổi tên thành Hội đồng Hòa bình và Phát triển Liên bang (SPDC). Ngày 23 tháng 6 năm 1997, Myanmar được chấp nhận gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Hội nghị Quốc gia tiếp tục được triệu tập và hoãn lại. Nhiều đảng chính trị lớn, đặc biệt Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ, đã bị trục xuất và có ít tiến bộ đã được hoàn thành. Ngày 27 tháng 3 năm 2006, hội đồng quân sự đã di chuyển thủ đô đất nước từ Yangon tới một địa điểm gần Pyinmana, đặt tên chính thức cho nó là Naypyidaw, có nghĩa "vùng đất của những ông vua". Myanmar từ sau khi có bản Hiến pháp mới năm 2008 để chuyển giao từ chính quyền quân sự sang chính quyền dân sự đã bước chuyển nhanh theo hướng dân chủ hóa cả về chính trị và kinh tế-xã hội. Đây chính là những tiền đề quyết định để quốc gia ASEAN không chỉ cải thiện rất nhanh các quyền cơ bản của người dân mà còn phát triển mạnh mẽ thời gian qua. Năm 2010, quốc hiệu của Myanmar đổi thành Cộng hòa Liên bang Myanmar (tiếng Anh: Republic of the Union of Myanmar).

3. Du lịch:

Năm 2019, Myanmar đón 4.4 triệu lượt khách du lịch tới thăm, tăng mạnh 23% so với 2018 (3.55 triệu người). Khách du lịch Trung Quốc nhiều nhất, và lượng khách Nhật Bản, Hàn Quốc tăng mạnh vì Myanmar đã có chính sách cấp visa dễ dàng hơn cho khách từ các quốc gia này. <https://www.globalnewlightofmyanmar.com/tourist-arrivals-up-23-in-2019/>

Số liệu du lịch các năm trước:



II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

Myanmar là một trong những nước nghèo nhất thế giới với hàng thập kỷ ở trong tình trạng trì trệ, quản lý kém và bị cô lập. Các ngành công nghiệp mang lại lợi nhuận như ngọc, dầu khí và lâm nghiệp vẫn bị kiểm soát chặt chẽ. Gần đây những ngành này đã được một số tập đoàn nước ngoài liên doanh cùng chính phủ tham gia khai thác.

Myanmar bị liệt vào hạng nước kém phát triển nhất năm 1987. Từ năm 1992, khi Than Shwe lên lãnh đạo quốc gia, chính phủ đã khuyến khích du lịch. Trong những năm gần đây, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều nỗ lực phát triển quan hệ với chính phủ nước này vì mục tiêu lợi ích kinh tế. Nhiều quốc gia khác, trong đó gồm cả Hoa Kỳ, Canada và Liên minh châu Âu, đã áp đặt các lệnh cấm vận thương mại và đầu tư đối với Myanmar. Đầu tư nước ngoài chủ yếu từ Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Ấn Độ và Thái Lan.

Ở thời thuộc địa Anh, Myanmar là một trong những nước giàu có nhất vùng Đông Nam Á. Đây là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và là nước cung cấp dầu khí thông qua Công ty Dầu khí Miến Điện. Miến Điện cũng có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và nhân lực dồi dào. Họ sản xuất 75% lượng gỗ tước của thế giới, và dân cư có tỷ lệ biết đọc biết viết cao. Nước này từng được tin tưởng sẽ có tương lai phát triển nhanh chóng. Ngày nay, Myanmar thiếu cơ sở hạ tầng cần thiết. Trao đổi hàng hóa chủ yếu qua biên giới với Thái Lan.

Kể từ khi đổi mới vào năm 2011, Myanmar đã đại tu nền kinh tế nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và hòa nhập kinh tế toàn cầu. Với tài nguyên phong phú, lực lượng lao động trẻ, Myanmar đã thu hút FDI trong các lĩnh vực như năng lượng, dệt may, IT, thực phẩm và đồ uống. FDI tăng từ 1.9 tỉ USD năm 2011 lên 2.7 tỉ USD vào năm 2012. Việc ban hành Luật Đầu tư Nước ngoài mới



vào năm 2012 đã giúp Myanmar thu hút thêm nhiều FDI. Cải cách kinh tế bao gồm việc thả nổi đồng tiền Kyat vào năm 2012, cấp giấy hoạt động độc lập cho Ngân hàng Trung ương vào 2013, và ban hành luật phòng chống Tham nhũng năm 2013. Chính phủ cam kết cải cách, và sự nói lỏng về trừng phạt của phương Tây đã mang lại lợi ích đáng kể. Nền kinh tế tăng tốc mạnh vào năm 2013 và 2014. Myanmar đã cấp giấy phép cho 09 ngân hàng nước ngoài vào năm 2014 và thêm 04 ngân hàng nước ngoài nữa vào năm 2016. Mặc dù đã có những tiến bộ rõ rệt, mức sống của đại đa số người dân tại vùng nông thôn không được cải thiện. Myanmar vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất Châu Á – hơn 1/4 dân số 56 triệu người sống trong nghèo đói. Những chính sách và cách quản lý kinh tế của chính phủ trước đã làm Myanmar có hệ thống hạ tầng cơ sở kém, tham nhũng, kém phát triển nguồn nhân lực, không tiếp cận được với nguồn vốn. Để phát triển bền vững, Myanmar cần hiện đại hóa và mở cửa lĩnh vực tài chính, tăng phân bổ ngân sách cho các dịch vụ xã hội, và đẩy mạnh cải cách nông nghiệp và đất.

Chính phủ mới được bầu sẽ tập trung vào đẩy mạnh cải cách năng suất và đất nông nghiệp, hiện đại hóa và mở cửa khu vực tài chính, cũng như cải thiện quản lý tài chính.

Năm 2015, tăng trưởng của Myanmar chậm lại vì bất ổn chính trị trong năm bầu cử, lũ lụt và các yếu tố bên ngoài, bao gồm việc Trung Quốc tăng trưởng chậm lại và giá cả hàng hóa giảm. Vào tháng 10 năm 2016, Myanmar đã thông qua luật đầu tư nước ngoài sửa đổi hợp nhất các quy định về đầu tư và làm thuận lợi hóa quá trình phê duyệt đầu tư và năm 2017 thông qua luật về các công ty làm giảm các quy tắc về sở hữu nước ngoài của doanh nghiệp.

2. Các chỉ số kinh tế:

No.	Các chỉ số	Thống kê theo tần suất	Thời điểm có số liệu	Số liệu
1	Tỷ giá - Currency	Ngày	1-3-2020	1390
2	Tốc độ tăng trưởng GDP - GDP Annual Growth Rate (%)	Năm	1-12-2018	6.8
3	Tỷ lệ thất nghiệp - Unemployment Rate (%)	Năm	1-12-2019	1.6
4	Tỷ lệ lạm phát - Inflation Rate (%)	Tháng	1-12-2019	9.45
5	Tỷ lệ Lãi suất - Interest Rate (%)	Ngày	1-2-2020	10
6	Nợ chính phủ so với GDP - Government Debt to GDP (%)	Năm	1-12-2018	49.41
7	Thuế thu nhập cá nhân - Personal Income Tax Rate (%)	Năm	1-12-2019	25



8	Số người bị nhiễm - Coronavirus Cases (Persons)	Ngày	1-3-2020	10
9	Số người chết vì Virus Corona - Coronavirus Deaths (Persons)	Ngày	1-3-2020	0
10	Số người đã được chữa khỏi - Coronavirus Recovered (Persons)	Ngày	1-3-2020	0

3. Xuất khẩu

a. Thị trường Xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu đi các nước	Trị giá XK (Triệu USD)	Số liệu năm
1	China	5560	2018
2	Thailand	3060	2018
3	Japan	1390	2018
4	India	574	2018
5	Hong Kong	567	2018
6	Germany	505	2018
7	United States	492	2018
8	Singapore	490	2018
9	South Korea	446	2018
10	United Kingdom	423	2018
11	Netherlands	360	2018
12	Spain	322	2018

b. Mặt hàng xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu theo mặt hàng	Trị giá (Triệu USD)	Số liệu năm
1	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chưng cất	3590	2018
2	Các mặt hàng may mặc, không đan hoặc móc	3260	2018
3	Ngũ cốc	1160	2018



4	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu	942	2018
5	Các mặt hàng may mặc, đan hoặc móc	854	2018
6	Đồng	829	2018
7	Đường và bánh kẹo có đường	781	2018
8	Rau và một số rễ và củ ăn được	762	2018
9	Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật không xương sống	734	2018
10	Trái cây, các loại hạt, vỏ trái cây, dưa ăn được	415	2018
11	Giày dép và tương tự	384	2018

4. Nhập khẩu

a. Thị trường Nhập khẩu chính

No.	Thị trường Nhập khẩu chính	Giá trị (Triệu USD)	Số liệu năm
1	China	6220	2018
2	Singapore	3690	2018
3	Thailand	2600	2018
4	India	990	2018
5	Indonesia	936	2018
6	Malaysia	815	2018
7	Japan	696	2018
8	Vietnam	586	2018
9	South Korea	440	2018
10	United States	325	2018

b. Mặt hàng Nhập khẩu chính

No.	Các mặt hàng nhập khẩu chính	Giá trị Triệu USD	Số liệu năm
1	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chưng cất	4030	2018



2	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	1810	2018
3	Phương tiện khác ngoài đường sắt, xe điện	1470	2018
4	Thiết bị điện, điện tử	1240	2018
5	Sắt và thép	1240	2018
6	Sợi xơ nhân tạo	933	2018
7	Nhựa	808	2018
8	Đường và bánh kẹo có đường	601	2018
9	Động vật, chất béo thực vật và dầu, sản phẩm phân tách	587	2018
10	Dược phẩm	550	2018
11	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	545	2018

5. Thuận lợi và khó khăn khi kinh doanh và đầu tư tại Myanmar.

a. Thuận lợi

Các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều thuận lợi khi xâm nhập vào thị trường Myanmar do hai nước có mối quan hệ chính trị tốt đẹp và Myanmar đang chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường, có chính sách khuyến khích khu vực tư nhân phát triển ngoại thương và hỗ trợ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Dù thu nhập bình quân đầu người của người dân Myanmar không cao, nhưng với dân số gần 65 triệu dân, sản xuất trong nước còn hạn chế nên nhu cầu dùng và sức mua rất lớn. Trong đó, có rất nhiều sản phẩm mà Myanmar có nhu cầu lớn và có thể đầu tư hiệu quả như khai thác khoáng sản, lâm sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, đóng tàu, viễn thông, du lịch, các nhà hàng phục vụ món ăn Việt Nam, thủy sản, nhiệt điện... Vì vậy, đây là cơ hội khả quan cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, từ đầu tháng 5/2010, Myanmar là nước duy nhất cấp visa ngay tại cửa khẩu cho công dân từ các nước đến Myanmar. Cụ thể, khách du lịch được cấp phép lưu trú 28 ngày, (không gia hạn), doanh nghiệp được lưu trú 70 ngày (được gia hạn thêm), công vụ 28 ngày (được gia hạn). Đặc biệt, ngoài 4 sân bay nội địa, 2 đường bay quốc tế từ Việt Nam, Bangkok, tháng 8 này Myanmar sẽ có thêm đường bay trực tiếp từ Malaysia đến Yangon.

98% người dân theo đạo Phật nên con người ở đây thật thà hiền lành và rất thân thiện, thị trường mới mẻ, yếu tố cạnh tranh không nhiều, tiềm năng kinh tế lớn, tài nguyên thiên nhiên nhiều nhưng chưa khai thác rộng rãi, mức sống của người dân thấp, người dân hiền hòa...

Thêm vào đó, dân số gần 60 triệu người, hầu hết các mặt hàng công nghiệp và tiêu dùng phải nhập khẩu, nhiều lĩnh vực công nghiệp, sản xuất, dịch vụ, y tế... còn bỏ ngỏ là những thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam.

**b. Khó khăn**

Hiện nay nền kinh tế Myanmar vẫn đang mang nặng cơ chế quản lý hành chính tập trung, quan liêu, bao cấp, cơ chế thuế quan chưa thông thoáng và vẫn còn bao cấp giá đối với một số hàng hóa tiêu dùng thiết yếu như, nhà ở cho công chức, điện nước sinh hoạt, cước phí điện thoại, giá xăng dầu, vận tải... Đặc biệt, Chính phủ Myanmar vẫn còn thực hiện chế độ hai giá đối với người dân trong nước và nước ngoài ở một số mặt hàng như cước phí điện thoại, giá điện, xăng, giá nước sinh hoạt, giá dịch vụ khách sạn, giá thuê nhà, giá một số dịch vụ vận tải với giá chênh lệch cao gấp nhiều lần so với người dân trong nước, nhất là thủ tục pháp lý còn nặng nề, cổ hủ và trì trệ, các điều luật còn cứng nhắc, chi phí thành lập doanh nghiệp khá cao.

III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM**1. Các Hiệp định, thoả thuận về kinh tế đã ký kết:**

- Hiệp định Thành lập UBHH về Hợp tác song phương giữa hai nước (5/1994)
- Hiệp định Thương mại (5/1994)
- Hiệp định Hợp tác Du lịch (5/1994)
- MOU về Chương trình Hợp tác 6 năm (1994-2000) giữa hai bộ Nông nghiệp (8/1994)
- MOU về Hợp tác Phòng chống ma túy (3/1995)
- MOU về Hợp tác trong lĩnh vực Lâm nghiệp (3/1995)
- Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (5/2000)
- Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư (5/2000)
- Hiệp định hợp tác Văn hoá (5/2000)
- MOU về Hợp tác giữa UBĐT và Miền núi Việt Nam và Bộ Biên giới, Dân tộc và Phát triển Myanmar (7/2000)
- MOU thành lập Ủy ban Hợp tác chung về Thương mại (5/2002)
- MOU về Hợp tác giữa hai Phòng Thương mại và Công nghiệp (5/2002).

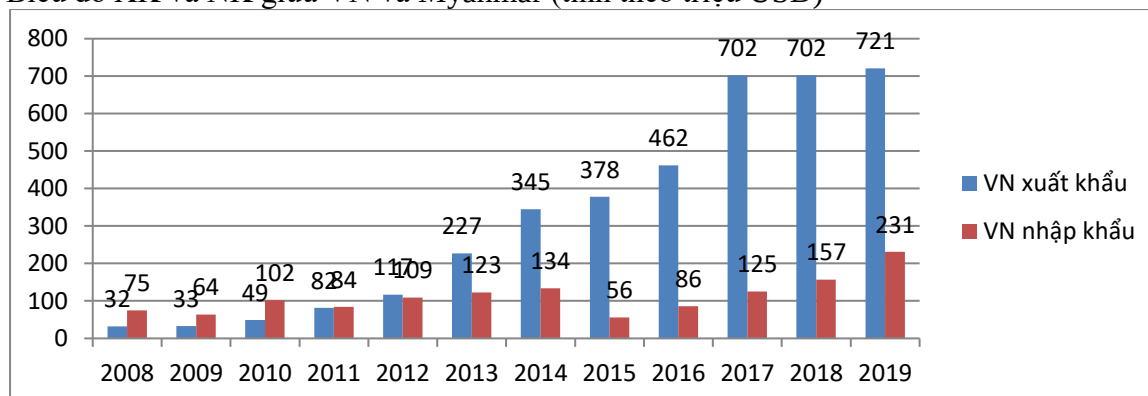
2. Hợp tác thương mại**- Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam (Đơn vị tính triệu USD)**

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Mức tăng XNK	XK chiếm
2008	32	75	108		30.10%
2009	33	64	98	-8.60%	34.30%
2010	49	102	152	54%	32.50%
2011	82	84	167	9.80%	49.30%
2012	117	109	227	35.89%	51.83%

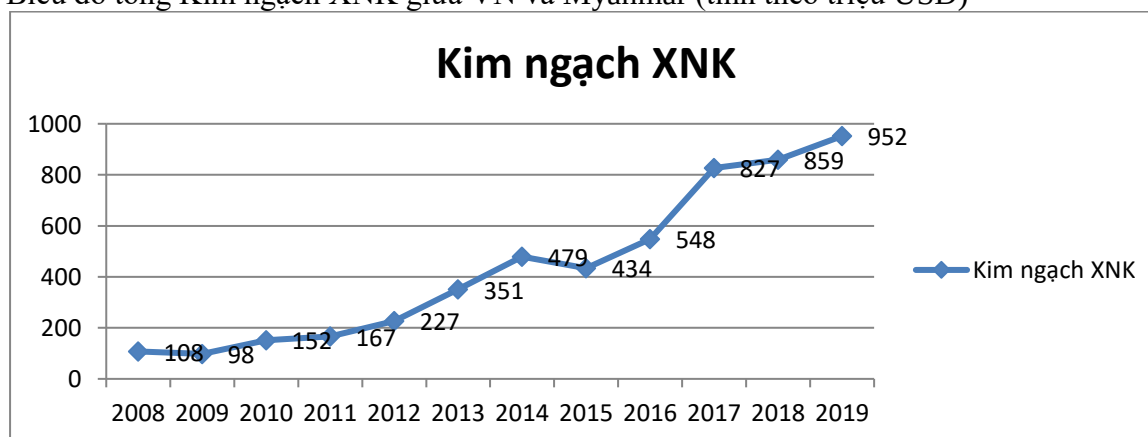


2013	227	123	351	154%	64%
2014	345	134	479	37%	72%
2015	378	56	434	-9%	87%
2016	462	86	548	26%	84%
2017	702	125	827	50.91%	84.89%
2018	702	157	859	3.87%	81.72%
2019	721	231	952	10.83%	75.74%

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Myanmar (tính theo triệu USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Myanmar (tính theo triệu USD)



- Các mặt hàng XNK chính trong năm (triệu USD)

VN Xuất khẩu đi Myanmar	Trị giá Triệu USD
Hàng hóa khác	171
Phương tiện vận tải và phụ tùng	88



Sản phẩm từ sắt thép	61
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	59
Điện thoại các loại và linh kiện	48
Dây điện và dây cáp điện	48
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	44
Sản phẩm từ chất dẻo	40

VN Nhập khẩu từ Myanmar	Trị giá Triệu USD
Kim loại thường khác	109
Hàng rau quả	62
Hàng hóa khác	51
Hàng thủy sản	3
Cao su	3

Việt Nam luôn trân trọng mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước, trân trọng những mối liên hệ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh tụ Aung San. Hai nước cũng có nhiều nét tương đồng về văn hóa và truyền thống đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Thời gian qua, quan hệ giữa hai nước Việt Nam, Myanmar đã có những bước phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ, đặc biệt là việc hai nước đã nâng cấp quan hệ lên tầm “Đối tác hợp tác toàn diện” nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Myanmar của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (8/2017). Đặc biệt, quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực kinh tế-thương mại-đầu tư đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng, mang lại nhiều kết quả rất tích cực.

Tình hình đầu tư của Myanmar vào Việt Nam:

Về đầu tư, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Malaysia vào Việt Nam trong năm 2019 chỉ có 1 lượt mua góp vốn, mua cổ phần với tổng lượng vốn 0.13 triệu USD.

Tính lũy kế đến hết 2019, Malaysia có 1 dự án đầu tư vào Việt Nam với số vốn đạt 0.8 triệu USD, đứng 100 trong tổng số 130 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam.

3. Tập quán:

Phong tục tập quán của người Myanmar có nhiều nét văn hóa khá thú vị. Người Myanmar không có họ, chỉ có tên. Khi chào nhau, họ thường chấp hai tay trước ngực hoặc cúi đầu chào.

Người dân Myanmar rất yêu chim chóc. Con trâu cũng được trọng vọng. Gặp phải một chú trâu trên đường, bất kể già trẻ trai gái đều phải nhường đường cho chú trâu ấy qua trước. Khi vào thăm đình, chùa, bất kể ai cũng phải cởi giày dép.

Người Myanmar cũng có một phong tục kỳ lạ: để trở thành người đẹp, ngay từ lúc lên 5 tuổi, người con gái phải có một dây đai thắt lưng, sau đó là thêm 30 cái thắt lưng nữa. Khi chọn người con gái để thành gia thất, độ to nhỏ của vòng bụng người con gái cũng là một trong những tiêu chuẩn quan trọng đối với người con trai Myanmar.

Về tập tục ẩm thực, người Myanmar chỉ ăn hai bữa trong ngày vào lúc 9g sáng và 17g, bữa trưa ăn nhẹ. Trên mâm cơm của người Myanmar thường có rau, tôm, cá. Họ cho rằng nếu thiếu tôm



cá thì họ ăn không ngon miệng. Người Myanmar không ăn cơm bằng đũa, trước mặt mỗi người là một chậu nước, trước khi ăn họ phải rửa sạch tay, rồi dùng tay không bốc cơm ăn.

Bạn cũng cần biết những qui định tối thiểu về hải quan khi nhập cảnh vào Myanmar: chỉ được phép mang 200 điếu thuốc lá, một chai rượu và một lọ nước hoa, nếu có ngoại tệ mang theo phải khai báo vào đơn. Khi xuất cảnh, hải quan Myanmar kiểm tra rất kỹ các hành lý mang theo, nếu mang theo ngoại tệ thì lượng ngoại tệ này không được vượt quá lượng ngoại tệ đã mang vào khi nhập cảnh. Nếu mang hành lý vượt khỏi qui định hải quan Myanmar thì bạn sẽ bị tịch thu và phạt tiền.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ Ngoại giao:

Myanmar là nước mà Việt Nam có quan hệ rất sớm. Năm 1947, ta đặt cơ quan thường trú tại Yangon. Chính quyền và các đoàn thể Myanmar tích cực ủng hộ nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp giành độc lập, trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay của nhân dân ta trong lúc bạn còn nhiều khó khăn.

2. Quan hệ chính trị:

- Tháng 11/1954, Thủ tướng U Nu sang thăm nước ta.
- Tháng 2/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Myanmar.
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt (5/1994),
- Tổng Bí thư Đỗ Mười (5/1997),
- Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000),
- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (5/2002)
- Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt (8/2004)
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2007).
- Chủ tịch SPDC Than Suề đã thăm chính thức Việt Nam tháng 3/1995 và 3/2003,
- Thủ tướng Khin Nhun (8/2004),
- Thủ tướng Xô Uyn (4/2005)
- Thủ tướng Thân Sên (11/2007)
- Tổng Tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang Myanmar thăm chính thức Việt Nam (10/2009).

Đặc biệt, Tổng thống nước Cộng hòa Liên bang Myanmar Htin Kyaw đã thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam từ ngày 26 – 28/10/2016.



- Ngày 28/5/2005, hai bên cũng đã trọng thể kỷ niệm 30 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (28/5/1975-28/5/2005).
- Trong các cuộc tiếp xúc, lãnh đạo Myanmar đều bày tỏ ấn tượng tốt đẹp về đất nước và các nhà lãnh đạo của Việt Nam, đánh giá cao sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước của lãnh đạo và nhân dân Việt Nam. Hai bên đều cho rằng các chuyến thăm qua lại của lãnh đạo cấp cao giữa hai nước đã góp phần nâng cao sự hiểu biết, sự tin cậy lẫn nhau giữa lãnh đạo và nhân dân hai nước nhằm thúc đẩy quan hệ 2 nước phát triển trên nhiều lĩnh vực.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Myanmar vào tháng 5 năm 2002 tại Yangon.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tổ chức đoàn doanh nghiệp tháp tùng Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đi thăm cấp nhà nước Myanmar và tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam Myanmar tại Yan-gon ngày 30/11/2012.

Ngoài ra, VCCI và UMFCCI luôn tích cực hỗ trợ lẫn nhau trong việc tổ chức các hoạt động của tổ chức Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC), Hội đồng Doanh nghiệp tiêu vùng Mê-công mở rộng (GMS), và Tổ chức Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mê Công (ACMECS).

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Myanmar tại Việt Nam:

298 A Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Phone: (84) (4) 3845 3369, 3823 2056

Fax: (84) (4) 3845 2404

Email: office@mehanoi.org

Ngài đại sứ H.E. Mr. Kyaw Soe Win

Bạn chưa có cơ quan đại diện về thương mại, du lịch tại Việt Nam.

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar:

Địa chỉ: Số 28-29 Đường Kyauk Kone, Quận Yankin, Yangon

Điện thoại: (+95-1) 3566 076

Fax: (+95-1) 3550220

Email: vnembmyr2012@gmail.com

Website: vnembassy-yangon.mofa.gov.vn

Đại sứ: Ông Lý Quốc Tuấn

❖ PHÒNG THƯƠNG VỤ:

Số 9/A Pyi Htaung Su Lane (Union Lane), Đường Sayar San, Quận Bahan, Yangon

Điện thoại: +95-1-551817



Bà Võ Thị Ngọc Diệp, Tham tán Thương mại

Điện thoại: +95-9691003168;

Email: diepvtn@moit.gov.vn; diepvomoit@gmail.com

❖ **The Union of Myanmar Federation of Chambers of Commerce and Industry UMFCCI**

No.29, Min Ye Kyawswa Road,

Lanmadaw Township, Yangon, Myanmar.

Tel : 95-1-214344, 214345, 214346, 214347, 214348, 214349

Fax : 95-1-214484

website: www.umfcci.com.mm

Email: umcci@mptmail.net.mm

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

*Website *CIA – The World Factbook*

*Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*

*Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*

<http://www.oecd.org>

<https://tradingeconomics.com/>



PHỤ LỤC THAM KHẢO
Bảng 1. Xuất khẩu VN – Myanmar

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
MIANMA			67.995.993		721.346.795
Cà phê	Tấn	175	667.719	1.379	5.399.387
Hạt tiêu	Tấn	666	1.468.638	4.200	9.666.027
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.507.140		17.531.149
Hóa chất	USD		283.038		3.283.194
Sản phẩm hóa chất	USD		2.035.311		20.448.206
Phân bón các loại	Tấn	2.837	960.277	31.468	11.094.189
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	569	802.835	7.316	9.175.439
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		3.292.303		40.533.289
Hàng dệt, may	USD		4.666.433		34.720.515
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		5.975.455		59.737.020
Sản phẩm gốm, sứ	USD		800.952		7.515.202
Sắt thép các loại	Tấn	1.832	1.278.458	31.910	22.932.627
Sản phẩm từ sắt thép	USD		7.624.339		61.232.644
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		2.382.918		14.781.878
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		671.286		48.770.736
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		4.921.446		44.582.592
Dây điện và dây cáp điện	USD		4.329.500		48.420.439
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		8.140.539		88.270.036
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		99.869		1.820.283
Hàng hóa khác	USD		16.087.537		171.431.943

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Myanmar

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
MIANMA			18.437.742		231.512.512
Hàng thủy sản	USD		498.525		3.648.726
Hàng rau quả	USD		7.643.615		62.799.713
Cao su	Tấn			2.400	3.119.666
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD				859.376
Kim loại thường khác	Tấn	980	5.876.373	17.665	109.374.446
Hàng hóa khác	USD		4.419.229		51.710.585